TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thủy

Ông Lý Quang Ngọc

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Chị Chu Thị T, sinh năm 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/03/2019, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị Chu Thị T quen biết năm 2010, khi chị Chu Thị T đang là học sinh lớp 11 trường Phổ thông trung học, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, còn anh Nguyễn Văn N đang học tại Trung tâm giáo dục

thường xuyên huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau một thời gian tìm hiểu thì kết hôn vào năm 2013. Việc kết hôn được hai bên gia đình tổ chức theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau khá hạnh phúc, mẫu thuẫn giữa anh chị bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2016, nguyên nhân là do chị Chu Thị T đi làm công nhân cho Công ty ở tỉnh B, mỗi khi về thăm nhà thì chị Chu Thị T thường xuyên nhắn tin và gọi điện thoại cho người khác. Anh Nguyễn Văn N nghi ngờ chị Chu Thị T ngoại tình với người đàn ông khác, nên có nhắc nhở nhưng chị Chu Thị T không thay đổi. Đến tháng 02 năm 2017 thì chị Chu Thị T chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và ở hẳn từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến gia đình, chăm sóc con chung, từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Anh Nguyễn Văn N xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên viết đơn lên Tòa án xin được ly hôn với chị Chu Thị T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 27/12/2013, hiện nay đang sinh sống cùng anh Nguyễn Văn N tại Thông X, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn Anh Nguyễn Văn N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Chu Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Chu Thị T không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, đúng quan hệ pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Chu Thị T không chấp hành đúng theo quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Xác định giữa anh Nguyễn Văn N và chị Chu Thị T có mâu thuẫn trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn N đối với chị Chu Thị T là có căn cứ; về con chung: anh Nguyễn Văn N được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 27/12/2013, đến khi trưởng thành và chị Chu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện: Anh Nguyễn Văn N và chị Chu Thị T quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời điểm anh Nguyễn Văn N xin ly hôn, chị Chu Thị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, anh Nguyễn Văn N có quyền yêu cầu ly hôn chị Chu Thị T là đúng theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của chị Chu Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ và gọi điện cho chị Chu Thị T theo số điện thoại của nguyên đơn cung cấp nhiều lần nhưng chị Chu Thị T không hợp tác để giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 4 năm 2019 thì chị Chu Thị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau khi vợ chồng nảy sinh mẫu thuẫn chị Chu Thị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã xác minh tại biên bản ngày 10/4/2019 thì ông Trưởng Thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho biết chị Chu Thị T sau khi mẫu thuẫn với chồng đã chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ tại thôn hiện nay chị Chu Thị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình nhưng thời gian không cố định. Do vậy không tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho chị Chu Thị T theo địa chỉ trên được. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP Tòa án đã lập biên bản không tống đạt được văn bản tố tụng được cho chị Chu Thị T theo quy định tại khoản 5, Điều 177 đồng thời tiến hành niêm yết công khai văn bản cần tống đạt theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của xin ly hôn: Theo như lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy anh Nguyễn Văn N và chị Chu Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn tại tại Ủ0y ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống giữa anh, chị nảy sinh ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay, từ khi ly thân anh Nguyễn Văn N nhiều lần đã liên lạc với chị Chu Thị T nhưng chị Chu Thị T không nghe máy, lần gần đây nhất là vào tháng 02 năm 2019 chị Chu Thị T về nhà và tiễn em trai ruột của mình tham gia nghĩa vụ quân sự tại Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhưng cũng không về thăm bố con anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử nhận thấy anh Nguyễn Văn N và chị Chu Thị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị T không có mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy không có cơ sở để xem xét giao con chung cho chị Chu Thị T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú rõ ràng và làm nghề lái xe có thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng, hơn nữa cháu Nguyễn Tiến V hiện nay đang sinh sống và học tập với anh Nguyễn Văn N từ khi bố mẹ ly thân. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 27/12/2013 cho anh Nguyễn Văn N nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn phù hợp

[5] Về tài sản chung và nợ chung không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Chu Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Chu Thị T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn N được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 27/12/2013 đến khi trưởng thành. Chị Chu Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Chu Thị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Nguyễn Văn N đã nộp 300.000 đồng tiền án phí (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05566 ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Chu Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã B, huyện L; tỉnh Lạng Sơn
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Văn Bình